

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **166/2020/HS-ST**
Ngày 12-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Nghĩa

Bà Trần Thị Kim Tân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đ1 diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 141/2020/TLST -HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức T; Sinh năm 1988 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp B, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa. Con ông Nguyễn T1, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1955. Vợ: Nguyễn Thị Minh P1, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 29/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 77/2020/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/7/2020 cho đến nay.

(bị cáo có mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Văn D; Sinh năm 1987 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp M, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa. Con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965. Vợ: Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1986; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
(bị cáo có mặt)

3. Họ và tên: Trần Bình Đ; Sinh năm 1992 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp MA, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa. Con ông Trần Bình N1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 29/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 141/2014/HSST. (Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung 8.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng vào ngày 05/01/2016).

+ Ngày 01/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt 10 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc” theo Bản án số 37/2019/HS-ST. Ngày 10/4/2019, Trần Bình Đ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Ngày 20/5/2019, Trần Bình Đ có đơn rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 176/2019/HSPT-QĐ ngày 12/6/2019. Ngày 20/01/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
(bị cáo có mặt)

4. Họ và tên: Lê Công D1 (Tên gọi khác: Ba D1). Sinh năm 1989 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp H, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn X1, sinh năm 1963 và bà Lương Thị H3, sinh năm 1965. Vợ: Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1993 (đã ly hôn). Con: Có 01 con, sinh năm 2010. Tiền sự: Không; Tiền án: 01, cụ thể:

+ Tại Bản án số 162/2014/HSST ngày 04/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt Lê Công D1 số tiền 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng vào ngày 20/10/2019 và hình phạt 15.000.000 đồng vào ngày 20/12/2019. (Chấp hành xong hình phạt chính sau ngày phạm tội mới).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
(bị cáo có mặt)

5. Họ và tên: Trần Văn Đ1; Sinh năm 1995 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp M, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo. Con ông Trần Thanh D3, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1964; Vợ: Trần Thị Kim Th, sinh năm 1996. Con: Có 01 con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
(bị cáo có mặt)

6. Họ và tên: Lê Thành L1; Sinh năm 1994 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp M, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa. Con ông Lê Văn N3, sinh năm 1950 và bà Trần Thị H4, sinh năm 1958; Vợ: Huỳnh Thị Thủy T3, sinh năm 1996; Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
(bị cáo có mặt)

7. Họ và tên: Lê Thanh T5 (Tên gọi khác: T5 S R); Sinh năm 1987 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp H, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật. Con ông Lê Văn X, sinh năm 1963 và bà Lương Thị H6, sinh năm 1965. Vợ: Nguyễn Thị Thu Th1, sinh năm 1990. Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án: Không; Tiền sự: 01:

+ Ngày 30/8/2018 bị Công an huyện Xuân Lộc xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 673/QĐ (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/7/2020 cho đến nay.
(bị cáo có mặt)

8. Họ và tên: Mạc Duy H6; Sinh năm 1978 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp M, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa. Con ông Mạc Như S1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1954. Vợ: Đoàn Thị Thu L1, sinh năm 1979. Con: Có 02 con, sinh năm 2003 và năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
(bị cáo có mặt)

Người làm chứng: Anh **Trịnh Đình N5**, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 27/12/2018, Nguyễn Đức T đến nhà Trần Bình Đ tại ấp M, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai chơi. Tại đây, T gặp Lê Thanh T5, Trịnh Đình N5, Lê Công D1, Mạc Duy H6, Nguyễn Văn D thì T và D thỏa thuận với nhau đá độ gà tre với số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, T đi về nhà ở Ấp B, xã XT, huyện X để bắt gà rồi T cùng T5, N5, D1, H6 và Trần Bình Đ đi đến bãi đất trống trước nhà Trần Văn Đ1 tại ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc để đá độ gà. Do không đủ tiền để đá độ gà cùng T nên D rủ Đ1, Lê Thành L1 và một số đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch cùng nhau góp chung số tiền 20.000.000 đồng để đá độ trận gà trên với T. Cụ thể: D bỏ ra số tiền 7.000.000 đồng, Đ1 bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng, L1 bỏ ra số tiền 3.000.000

đồng, số tiền 9.000.000 đồng còn lại D không nhớ rõ những ai đã tham gia góp chung với mình. Trận đá gà trên Lê Công D1 và Mạc Duy H6 cùng đứng ra làm trọng tài để hưởng 05% hoa hồng trên tổng số tiền chủ gà thắng (tức là số tiền 1.000.000 đồng), trong đó D1 có nhiệm vụ chuẩn bị cân, băng keo còn H6 thì hô đếm thả gà. Sau khi D1 cân gà thì 02 con gà đồng cân 1,1 kg nên H6 ra tỷ lệ thắng thua trận gà trên là 1 ăn 1. Trước khi trận đá gà diễn ra, T nhờ Đ băng cựa thả gà, còn D nhờ L1 băng cựa thả gà. Ngoài ra, T còn đặt cược với những người đứng xem bên ngoài (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đặt cược gà của D thắng với số tổng số tiền 28.000.000 đồng. Trong đó, Lê Thanh T5 đặt cược gà D thắng với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tỷ lệ 10 ăn 7 (gà của T chấp). Sau khi cấp độ xong, H6 hô từ 1 đến 3 thì Đ và L1 cùng thả gà ra đá. Trận gà diễn ra khoảng 03 phút thì gà của T thua nhưng không có tiền trả cho D và những người đặt cược bên ngoài nên T đã mượn của Trịnh Đình N5, sinh năm 1994, ngụ tại ấp H, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai, số tiền 10.000.000 đồng để trả cho những người đặt cược bên ngoài đã thắng cược. Sau đó, T nhờ D1 đứng ra bảo lãnh cho T để T về nhà lấy tiền trả cho những người trên thì D1 đồng ý. Sau đó, do không có tiền nên T đã bỏ trốn.

* Số tiền đá gà và kết quả thắng thua như sau:

- Bị can Nguyễn Đức T khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, T đến trước nhà Đ chơi thì gặp Đ, T5, D1 và một số người không rõ tên đang đứng chơi. Tại đây, T nhờ T5 hên ai có gà tre trọng lượng 1,1 kg đá độ với số tiền 2.000.000 đồng. Lúc này, có người nói có gà đá với T nhưng đá độ với số tiền 20.000.000 đồng thì T đồng ý và về nhà bắt gà đưa đến ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai để đá độ. T nhờ Đ đứng ra băng cựa và thả gà giúp, đồng thời T còn đặt cược ngoài với những người đứng xem bên ngoài (chưa xác minh được nhân thân, lai lịch) cược gà của D thắng với tổng số tiền 28.000.000 đồng, trong số tiền này có T5 cược gà của D thắng với số tiền 2.000.000 đồng, tỷ lệ 10 ăn 7 (gà của D chấp). Trận gà trên, H6 đứng ra làm trọng tài cân và hô thả gà. Sau khi cấp độ xong, H6 hô từ 1 đến 3 để Đ và L1 thả gà ra đá. Trận gà diễn ra được khoảng 03 phút thì gà của T thua nhưng T không có tiền chung cho D và những người đá ngoài thắng nên T nhờ D1 đứng ra bảo lãnh để T về nhà lấy tiền chung cho những người trên. Đồng thời, T còn mượn của Trịnh Đình N5 số tiền 10.000.000 đồng để trả cho những người đá ngoài thắng cược với T nhưng sau đó, T không có tiền nên đã bỏ trốn.

- Nguyễn Văn D khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, D cùng L1 đi xem đá gà thì L1 gặp T nói chuyện gì không rõ. Sau đó, L1 nói với D là T rủ D có gà tre đồng cân đá độ với số tiền 20.000.000 đồng thì D đồng ý. Do không có đủ tiền nên D đã rủ L1, Đ1 và một số người không rõ nhân thân, lai lịch cùng nhau góp đủ số tiền 20.000.000 đồng để đá độ gà với T. Trong số tiền trên, D bỏ ra số tiền 7.000.000 đồng, L1 bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng, Đ1 bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng và những đối tượng khác bỏ ra chung số tiền 9.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, D đến nhà Đ1 bắt gà và nhờ L1 đứng ra băng cựa, thả gà giúp cho D. Trận gà trên diễn ra ở phía trước nhà Đ1, H6 là người đứng ra làm trọng tài cân, hô thả gà. Trận gà diễn ra được khoảng 03 phút thì gà T thua nhưng T không có tiền chung. Đến nay, T vẫn chưa đưa tiền cho D.

- Trần Bình Đ khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, khi đang ở nhà thì bị can T nhờ Đ băng cựa, thả gà giúp trận gà của T đá độ với gà của D thì Đ đồng ý (T không nói số tiền đá độ là bao nhiêu). Sau đó, Đ được T chở đến trước sân nhà Đ1 và đưa gà đến, Đ là người băng cựa, thả gà giúp T trước khi trận gà diễn ra. Kết thúc trận đá gà, gà T thua nên Đ bắt gà trả lại cho T và bỏ về. Với việc băng cựa và thả gà trên Đ không thu lợi gì.

- Lê Công D1 khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, D1 đến trước nhà Đ tại ấp 1A, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc chơi thì biết được T đang chuẩn bị đá gà với gà của D với số tiền đá độ là 20.000.000 đồng, nên D1 xin T đứng ra làm trọng tài để được hưởng 05% hoa hồng trên tổng số tiền chủ gà thắng (tức là số tiền 1.000.000 đồng) thì T và D đồng ý. D1 đi mua băng keo và lấy cân đến trước nhà Đ1 để chuẩn bị cho việc làm trọng tài. Trên đường đi, D1 gặp H6 nên rủ H6 cùng làm trọng tài trận đá gà trên thì H6 đồng ý. Khi T và D đã đưa gà đến trước nhà Đ1, H6 đứng ra làm trọng tài để hai chủ gà cân gà. Do hai con gà có cân nặng bằng nhau nên H6 đưa ra tỷ lệ đá đồng (1:1). Sau khi hai con gà đã băng cựa xong, H6 đứng ra làm trọng tài đếm thả gà. Trận gà trên diễn ra được vài phút thì gà T bỏ chạy nên H6 phân xử gà D thắng. Không có tiền chung cho bên thắng, T đã nhờ D1 đứng ra bảo lãnh để T về lấy tiền. Do làm trọng tài nên D1 đồng ý đứng ra bảo lãnh cho T về lấy tiền. Tuy nhiên, T bỏ trốn nên D1 không nhận được tiền từ việc làm trọng tài và không có tiền chia cho H6.

- Trần Văn Đ1 khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, khi Đ1 đang ở nhà thì D, L1 đến nói cho Đ1 biết về việc sẽ bắt con gà mà D đang nhờ Đ1 nuôi đá độ với số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời rủ Đ1 cùng góp chung tiền đá độ trận gà trên thì Đ1 đồng ý góp chung số tiền 1.000.000 đồng. Trận gà trên diễn ra tại bãi đất trống trước nhà Đ1. L1 là người băng cựa, thả gà giúp D còn H6 là người đứng ra làm trọng tài. Kết quả gà của D thắng nhưng T không có tiền trả cho D nên Đ1 vẫn chưa nhận được tiền thắng.

- Lê Thành L1 khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, L1 được D điện thoại rủ đến nhà Đ1 để tham gia đá gà. Khi đến nhà Đ1, L1 nghe D nói gà của D đá với gà của T số tiền là 20.000.000 đồng và hỏi L1 có góp chung không. L1 đồng ý góp chung với D số tiền 3.000.000 đồng và L1 là người băng cựa, thả gà giúp D. Trận gà trên diễn ra tại bãi đất trống trước nhà Đ1, H6 là người đứng ra làm trọng tài, hô thả gà. Kết quả gà của T thua nhưng T không có tiền trả cho D nên L1 vẫn chưa nhận được tiền thắng.

- Lê Thanh T5 khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, T5 đến nhà Đ chơi thì gặp T cùng nhiều người khác. Lúc này, T5 nghe nói T đã hẹn đá độ gà với D số tiền 20.000.000 đồng, T5 liền đi theo mọi người để xem đá gà. Trước khi trận gà diễn ra, T5 đã đặt cược với T gà của D thắng với số tiền 2.000.000 đồng, tỷ lệ 10 ăn 7 (gà của D chấp). Vậy nên tổng số tiền tham gia đánh bạc giữa T và T5 là 3.400.000 đồng. Do gà của T thua nên T phải trả cho T5 số tiền 1.400.000 đồng. Đến nay, T vẫn chưa đưa cho T5.

- Mạc Duy H6 khai nhận: Vào ngày 27/12/2018, H6 đang đi chơi tại khu vực ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc thì nghe D1 nói chuẩn bị đá gà nên chạy đến xem. Khi đến trước nhà Đ1 thì thấy hai chủ gà đã băng cựa và chuẩn bị thả gà. Lúc này, T có nhờ H6 đứng ra làm trọng tài hô thả gà giúp thì H6 đồng ý.

Sau đó, H6 đứng ra đếm từ 01 đến 03 để hai bên thả gà. Trận gà diễn ra khoảng vài phút thì gà T bỏ chạy nên H6 xử gà T thua. Sau đó, H6 đi về nhà và không thu lợi gì từ việc làm trọng tài nói trên.

* Vật chứng vụ án:

- 02 (hai) con gà đá loại gà tre trọng lượng 1,1 kg; 01 cân đồng hồ loại 05 kg, băng keo sử dụng vào việc đá gà (không thu giữ được).

- Tổng số tiền tham gia đánh bạc là 43.400.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Cụ thể:

+ Nguyễn Đức T sử dụng số tiền 21.400.000 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) gồm: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cá độ với Nguyễn Văn D và 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) cá độ với Lê Thanh T5. Hiện tại T chưa giao nộp số tiền trên.

+ Nguyễn Văn D sử dụng số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tham gia đánh bạc. Hiện tại D đã tự nguyện giao nộp số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

+ Trần Văn Đ1 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tham gia đánh bạc. Hiện tại Đ1 đã tự nguyện giao nộp số tiền trên.

+ Lê Thành L1 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tham gia đánh bạc. Hiện tại L1 chưa giao nộp số tiền trên.

+ Lê Thanh T5 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tham gia đánh bạc. Hiện tại T5 đã tự nguyện giao nộp số tiền trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5 và Mạc Duy H6 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 156/CT-VKSXL ngày 29 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5 và Mạc Duy H6, về tội: “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 10 tháng đến 12 tháng tù; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án từ 10 đến 12 tháng tù; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Trần Bình Đ mức án từ 08 đến 10 tháng tù; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo

Lê Công D1 mức án từ 08 đến 10 tháng tù; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- **Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Trần Văn Đ1 mức án từ 08 đến 10 tháng tù; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- **Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Lê Thành L1 mức án từ 08 đến 10 tháng tù; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- **Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Lê Thanh T5 mức án từ 08 đến 10 tháng tù, hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- **Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 38 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Mạc Duy H6 mức án từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung công số tiền 10.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

Buộc Nguyễn Đức T phải nộp số tiền 21.400.000 đồng, Nguyễn Văn D phải nộp số tiền 9.000.000 đồng.

- Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo thống nhất với Cáo trạng và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mô tả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 27/12/2018, bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền với tổng số tiền tham gia cá độ là 40.000.000 đồng, tại ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo Lê Thành L1 đã sử dụng số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn Đ1 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng hùn chung với bị cáo D trong tổng số tiền 20.000.000 đồng để đá độ gà với bị cáo T. Bị cáo Lê Thanh T5 tham gia đá ngoài với T, bắt gà của D thắng với số tiền là 2.000.000 đồng (tỷ lệ 10 ăn 7), tổng số tiền bị cáo T5 tham gia đánh bạc là 3.400.000 đồng, tuy chưa đủ số tiền 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này. Bị cáo Trần Bình Đ giúp T bằng cựa, thả gà. Bị cáo Lê Công D1 rủ bị cáo Mạc Duy H6 cùng làm trọng tài trong trận đá gà trên để hưởng 05% hoa

hồng trên tổng số tiền chủ gà thắng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc là 43.400.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5 và Mạc Duy H6 đã phạm vào tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất, vai trò hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, trị an tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác; đồng thời gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều gia đình. Vì vậy, cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo đã gây ra.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5 và Mạc Duy H6 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Lê Công D1 đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” mà còn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Đức T là lao động chính trong gia đình; bị cáo Trần Bình Đ bị thương tích ở tay do bị tai nạn lao động, có khả năng tàn phế phải tập vật lý trị liệu lâu dài; bị cáo Lê Thanh T5 là lao động chính trong gia đình (có vợ mới sinh con nhỏ). Bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1 và Mạc Duy H6 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo D, bị cáo Đ1, bị cáo L1 và bị cáo T5 đã tự nguyện giao nộp số tiền dùng vào việc đánh bạc; đây là các tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Nguyễn Văn D đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác hùn tiền, tham gia đánh bạc. Các bị cáo Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1 và bị cáo Lê Thanh T5 tham gia với vai trò là người thực hành. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo, trong đó mức hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo D phải cao hơn các bị cáo khác, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Đức T đang được hưởng án treo theo bản án số 77/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 nhưng nay bị xét xử về một tội phạm khác thực hiện trước khi được hưởng án treo nên xác định bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo Lê Công D1 có 01 tiền án về tội đánh bạc; bị cáo Lê Thanh T5, Trần Bình Đ có nhân thân xấu, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ nghiêm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1 và Mạc Duy H6 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly

các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài hình phạt chính thì cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5. Bị cáo Mạc Duy H6 được bị cáo D1 rủ cùng làm trọng tài, tham gia với vai trò thứ yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H6.

[3] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T hiện đang chấp hành hình phạt tại Bản án số 77/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: *“Trường hợp người đang được hưởng án treo mà lại phát hiện trước khi được hưởng án treo họ đã thực hiện một tội phạm khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo. Trong trường hợp này, người phạm tội phải đồng thời chấp hành 02 bản án và việc thi hành án do các cơ quan được giao trách nhiệm thi hành án hình sự phối hợp thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự”*. Do đó, không tiến hành tổng hợp hình phạt tại bản án này đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

[4] Về xử lý vật chứng:

Các bị cáo Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Nguyễn Văn D và Lê Thanh T5 tự nguyện giao nộp tổng số tiền 13.000.000 đồng đã sử dụng vào việc đánh bạc, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Đức T sử dụng số tiền 21.400.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn D sử dụng tiền 9.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng chưa thu giữ được nên buộc các bị cáo phải giao nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Đối với Trịnh Đình N5 đã có hành vi cho bị cáo Nguyễn Đức T mượn số tiền 10.000.000 đồng để trả nợ cho các đối tượng tham gia đánh bạc với T. Tuy nhiên, khi N5 cho T mượn tiền thì hành vi đánh bạc đã kết thúc nên hành vi trên của N5 không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự nên không xử lý là phù hợp.

Đối với các đối tượng bên ngoài tham gia đặt cược ngoài (đá ngoài) và góp chung tiền với Nguyễn Văn D, hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc tiếp tục điều tra xác minh và đề nghị xử lý sau là phù hợp.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Xuân Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên **phù hợp một phần** với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5 và Mạc Duy H6 phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T: 08 (Tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức T số tiền **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước;

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D: 09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 11 năm 2020).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn D số tiền **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước;

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Bình Đ: 06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án;

Phạt bổ sung bị cáo Trần Bình Đ số tiền **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Công D1: 06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án;

Phạt bổ sung bị cáo Lê Công D1 số tiền **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước;

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ1: 06 (Sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **01 (Một)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 11 năm 2020);

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn Đ1 số tiền **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thành L1: 06 (Sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **01 (Một)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 11 năm 2020);

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thành L1 số tiền **10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà nước.

- **Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321;** điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh T5: 06 (Sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thanh T5 số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- **Căn cứ khoản 1 Điều 321;** điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Mạc Duy H6: 06 (Sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **01 (Một)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 11 năm 2020).

* Giao các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1 và Mạc Duy H6 cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) do bị cáo Trần Văn Đ1, Nguyễn Văn D, Lê Thanh T5 và bị cáo Lê Thành L1 giao nộp (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 30/9/2020 của Kho bạc Nhà nước Xuân Lộc và biên lai thu tiền số 005233 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp số tiền 21.400.000 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Trần Bình Đ, Lê Công D1, Trần Văn Đ1, Lê Thành L1, Lê Thanh T5 và Mạc Duy H6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp Tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Xuân Lộc;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Sương